

Bản án số: 463/2026/DS-PT
Ngày 10 – 7 – 2026
V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2026/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc: Tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2026/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 373/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú N, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Căn cước số: 096184002688 của Bộ C cấp ngày 28/8/2025.

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tú N:

1. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

2. Ông Trịnh Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1997 (Có mặt);

Cùng địa chỉ liên hệ: Số F, đường T, Khu L, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Quách Việt K, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Căn cước công dân số: 096092005085 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/8/2023;

Địa chỉ cư trú: Số E, Huỳnh Ngọc Đ, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau;

2. Bà Nguyễn Lê Hoài N2, sinh năm 1995 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096195012315 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/5/2023;

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường P, khóm D, phường A, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên hệ với ông K, bà N2: Block A1 Chung cư Q, số D Đ, phường P, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Lê Hoài N2, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Nguyễn Thị Tú N trình bày:*

Khoảng tháng 8/2025, bà N có tham gia hội của vợ chồng ông Quách Việt K, bà Nguyễn Lê Hoài N2. Các dây hội của bà N tham gia gồm:

Dây hội thứ 01: Hội 3.000.000 đồng/03 ngày, mở ngày 03/8/2025, gồm 27 phần, bà N tham gia 01 phần, góp được 12 kỳ, hót hội vào kỳ thứ 13 (ngày 08/9/2025), bỏ hội 300.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 1.500.000 đồng, số tiền hội hót được là 72.300.000 đồng. Vợ chồng bà N2, ông K không giao tiền hội hót được cho bà N.

Dây hội thứ 02: Hội 1.500.000 đồng/tuần, mở ngày 25/5/2025, gồm 30 phần, bà N tham gia 03 phần, góp được 15 kỳ. Đến kỳ thứ 16, ngày 08/9/2025 do ông K, bà N2 đã vi phạm nghĩa vụ, không giao tiền hội nên bà N đề nghị dừng dây hội và trả lại số tiền là 67.500.000 đồng.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Sau khi đòi trừ tiền hội chết thì buộc ông Quách Việt K và bà Nguyễn Lê Hoài N2 trả cho bà N số tiền nợ hội 116.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của bà N có thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Đối với dây hội thứ 01: Hội 3.000.000 đồng/03 ngày, gồm 27 phần, bà N đã đóng được 12 kỳ với tổng số tiền 31.480.000 đồng, việc đóng hội thể hiện qua sao kê tại Ngân hàng.

Đối với dây hội thứ 02: Hội 1.500.000 đồng/tuần, mở ngày 25/5/2025 gồm 30 phần, bà N tham gia 03 phần, bà N đã đóng được 15 kỳ với tổng số tiền 54.690.000 đồng, việc đóng hội thể hiện qua sao kê tại Ngân hàng.

Tổng số tiền bà N yêu cầu ông K, bà N2 có trách nhiệm thanh toán cho bà N đối với 02 dây hội nêu trên là 86.170.000 đồng. Bà N yêu cầu ông K và bà N2 phải thanh toán cho bà N tiền vốn là 86.170.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày bà N nộp đơn khởi kiện (ngày 19/9/2025) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/3/2026) là: 86.170.000 đồng x 1,66%/tháng x 05 tháng 27 ngày = 8.439.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 94.609.000 đồng.

- *Theo bà Nguyễn Lê Hoài N2 trình bày:*

Ông Quách Việt K là chồng của bà Nguyễn Lê Hoài N2, nhưng ông K và bà N2 đã ly hôn theo Quyết định số 06/2026/QĐST–HNGĐ ngày 05/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau. Việc ông K mở các dây hụi thì bà N2 có biết. Tuy nhiên, bà N2 không thống nhất việc ông K mở hụi, không tham gia chơi hụi, không tham gia làm chủ hụi với ông K, không sử dụng nguồn tiền phát sinh từ hụi. Do đó, bà N2 không đồng ý có trách nhiệm thanh toán nợ với ông K.

Vào năm 2023, bà N2 có mua lại 02 chung hụi loại hụi 5.000.000 đồng/tháng do ông K làm chủ hụi và hiện nay dây hụi này cũng đã mãn, không có liên quan trong vụ án này.

- Đối với ông Quách Việt K, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông K không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2026/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tú N. Buộc ông Quách Việt K và bà Nguyễn Lê Hoài N2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ hụi cho bà Nguyễn Thị Tú N số tiền 94.609.000 đồng (Trong đó: Nợ vốn 86.170.000 đồng, nợ lãi 8.439.000 đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07/4/2026, bà Nguyễn Lê Hoài N2 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Không buộc bà N2 có nghĩa vụ liên đới với ông K để thanh toán nợ cho bà N, không chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Lê Hoài N2 giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà N2 phát biểu: Giữ nguyên ý kiến trình bày tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận thêm.

Ông T phát biểu: Khoản tiền hụi nợ của bà N phát sinh trong thời gian ông K và bà N2 còn là vợ chồng chung sống với nhau, nên bà N2 phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông K để trả nợ. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Lê Hoài N2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Tú N khởi kiện cho rằng vào tháng 8/2025 bà N có tham gia hụi do vợ chồng ông Quách Việt K và bà Nguyễn Lê Hoài N2 làm chủ hụi, cụ thể:

Dây hui 3.000.000 đồng/03 ngày, mở ngày 03/8/2025, gồm 27 phần, bà N tham gia 01 phần, đóng được 12 kỳ với số tiền 31.480.000 đồng;

Dây hui 1.500.000 đồng/tuần, mở ngày 25/5/2025, gồm 30 phần, bà N tham gia 03 phần, đóng được 15 kỳ với số tiền 54.690.000 đồng.

Tổng 02 dây hui bà N đã đóng thực tế số tiền 86.170.000 đồng, việc đóng hui thể hiện qua Bảng sao kê tài khoản Ngân hàng của bà N cung cấp cho Tòa án. Do đó, bà N yêu cầu ông K và bà N2 thanh toán cho bà số tiền hui đã đóng là 86.170.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,66%/tháng bằng 8.439.000 đồng ($86.170.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 8.439.000 \text{ đồng}$); tổng cộng vốn, lãi là 94.609.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông K và bà N2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà N số tiền là 94.609.000 đồng. Ông K không có kháng cáo; bà N2 kháng cáo không đồng ý về trách nhiệm liên đới trả nợ và nghĩa vụ chịu án phí.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Lê Hoài N2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hiện tại, ông K và bà N2 đã ly hôn theo Quyết định số 06/2026/QĐST–HNGĐ ngày 05/01/2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau. Tuy nhiên, tại thời điểm bà N tham gia giao dịch hui thì quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà N2 vẫn đang tồn tại, ông K và bà N2 vẫn còn là vợ chồng chung sống với nhau. Mặc dù bà N2 cho rằng việc ông K làm chủ hui bà N2 không có tham gia, không liên quan, nhưng bà N2 cũng thừa nhận biết ông K làm chủ hui.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình:

Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ chồng

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

“1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...”

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

....

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

....”

Tại khoản 20 Điều 3 quy định: “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình.*”

Tại phiên toà phúc thẩm, bà N2 cũng xác định nguồn tiền sinh hoạt và chi phí trong gia đình là do ông K và bà N2 cũng bỏ ra để phục vụ nhu cầu của gia đình từ viện dẫn các quy định nêu trên, có cơ sở xác định khoản nợ tiền hụi của bà N là nợ chung của ông K và bà N2 trong thời kỳ hôn nhân, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà N2 có nghĩa vụ liên đới với ông K để thanh toán cho bà N và chịu án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Lê Hoài N2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm, bà N2 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Lê Hoài N2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2026/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tú N.

Buộc ông Quách Việt K và bà Nguyễn Lê Hoài N2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tú N số tiền 94.609.000 đồng, trong đó: Nợ vốn là 86.170.000 đồng, nợ lãi là 8.439.000 đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông K và bà N2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Việt K và bà Nguyễn Lê Hoài N2 phải chịu 4.730.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Tú N không phải chịu án phí. Ngày 03/10/2025, bà N đã dự nộp 2.912.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000939 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Lê Hoài N2 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 20/4/2026, bà N2 đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu tiền số 0004743 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập